

QUYẾT ĐỊNH

**Định giá cụ thể dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng
ngân sách nhà nước cho 22 ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp,
trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một
số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục
nghề nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:
Số 10/2021/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2021 ban hành 116 định mức
kinh tế - kỹ thuật cho các ngành, nghề về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ
cao đẳng; Số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2020 ban hành định
mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 46
ngành, nghề; Số 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2019 ban hành
định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho
một số nghề thuộc nhóm nghề công nghệ, kỹ thuật; nông nghiệp, lâm nghiệp,
thủy sản; Số 08/2018/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 8 năm 2018 quy định định
mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các
nghề: điện công nghiệp; kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; vận hành
máy thi công nền; vận hành cần, cầu trục; kỹ thuật xây dựng; bảo vệ thực vật;
chế biến và bảo quản thủy sản; quản trị mạng máy tính; quản trị kinh doanh
xăng dầu và gas; Số 13/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 ban*

hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 20 ngành, nghề;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội¹.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định giá cụ thể dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước cho 22 ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (không bao gồm 6 môn học chung, chi phí khấu hao cơ sở vật chất, chi phí quản lý chung).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + CVP, PCVP Trà Thanh Trí;
- + Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.KGVX.NTMD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Ngọc

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 26 tháng 9 năm 2024.

PHỤ LỤC

**Định giá cụ thể dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng
ngân sách nhà nước cho 22 ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp,
trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 608 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Giá đào tạo (đồng/người/khóa học)
1	Công tác xã hội	Cao đẳng	54.860.000
2	Hộ sinh	Cao đẳng	67.391.000
3	Dược	Cao đẳng	67.151.000
4	Điều dưỡng	Cao đẳng	56.687.000
5	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	95.895.000
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	84.398.000
7	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	Cao đẳng	101.333.000
8	Lâm sinh	Cao đẳng	70.765.000
9	Chăn nuôi	Cao đẳng	54.015.000
10	Hàn	Cao đẳng	105.400.000
11	May thời trang	Trung cấp	29.874.000
12	Cắt gọt kim loại	Trung cấp	76.696.000
13	Công nghệ ô tô	Trung cấp	60.170.000
14	Hàn	Trung cấp	80.264.000
15	Điện công nghiệp	Trung cấp	44.260.000
16	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung cấp	81.591.000
17	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	24.302.000
18	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	29.837.000
19	Trồng trọt	Trung cấp	35.047.000
20	Lâm sinh	Trung cấp	53.416.000
21	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	Trung cấp	46.161.000
22	Chăn nuôi - Thú y	Trung cấp	39.031.000